

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2026/HS-ST

Ngày: 25-8-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chế Thị Mai, bà Trịnh Thị Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Trần Quỳnh Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Mạc Đức Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 132/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2026/QĐXXST-HS ngày 25/7/2026 đối với các bị cáo:

A T, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2000 tại Quảng Ngãi; nơi ở hiện tại: Thôn K, xã N, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tơ Đra; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số 062200005119, ngày cấp 10/02/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; con ông A D, sinh năm 1969 và bà Y D1, sinh năm 1970; gia đình bị cáo có 08 (T1) anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ.

Tiền sự: Không;

Tiền án: 01 tiền án, Tại bản án số: 07/2023/HS-ST ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum xử phạt A T 16 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Chấp hành xong án phạt tù vào ngày 13/02/2025.

Nhân thân:

+ Tại bản án số: 141/2022/HS-ST ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử phạt A T 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bản án này sử dụng nhân thân để truy tố, xét xử bị cáo A T năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy cũ.

+ Ngày 08/11/2023, bị Công an thành phố K, tỉnh Kon Tum xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” với hình thức phạt tiền. Ngày 01/11/2023 chấp hành xong nộp phạt.

Bị cáo A T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2026 cho đến nay. Có mặt.

A H, sinh ngày 25 tháng 8 năm 2001 tại Quảng Ngãi; nơi ở hiện tại: Thôn E, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số F, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; con ông A T2, sinh năm 1976 (đã chết) và bà Y D2, sinh năm 1967 (đã chết); gia đình bị cáo có 04 (Bốn) anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo A H bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 13/3/2026 cho đến nay theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số C458/LB-VPCQCSĐT trong vụ án khác. Có mặt.

- *Bị hại*: Ông Đặng Phi L, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn A, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Vũ Đình H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

+ Ông Vũ Văn T3, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 09/3/2026, A T (SN: 13/8/2000; HKTT: thôn K, xã N, tỉnh Quảng Ngãi) đến chơi tại nhà A H (SN: 25/8/2001; trú tại: thôn E, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi). Tại đây, A T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã rủ A H đi tìm nhà dân không có ai trông coi để trộm cắp thì A H đồng ý. Sau đó, A H điều khiển xe mô tô (không có biển kiểm soát) chở theo A T đi đến nhà chòi rẫy không có người trông coi của ông Đặng Phi L (SN: 1989; trú tại: thôn A, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi) tại thôn G, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Tại đây, A H đứng ngoài bờ rào cảnh giới, còn A T đột nhập vào bên trong nhà chòi thấy có 01 (Một) máy cắt cỏ nhãn hiệu Kavi 545 nên đã lấy và đưa cho A H cầm. Sau đó, A T trèo ra cửa bên ngoài thấy 01 (Một) bình ắc quy nên đã lấy trộm. Sau khi lấy được tài sản, A T cùng A H chở máy cắt cỏ cùng bình ắc quy cất giấu tại chân đập nước thuộc thôn D, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi, rồi A T cùng A H đi về nhà A H ở thôn E, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Đến khoảng 20h00 ngày 09/3/2026, A H đang ở nhà tại thôn E, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi thì có một nam thanh niên tên T4 (không rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô (không rõ biển kiểm soát) đến nên A H hỏi bán máy cắt cỏ thì T4 đồng ý mua rồi A H dẫn T4 đến chỗ cất giấu để lấy máy. Sau khi mua được máy cắt cỏ thì T4 chở máy về và hẹn mua máy với số tiền 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng) thì A H đồng ý. Đến khoảng

21h00' ngày 09/3/2026, T4 quay lại nhà A H tại thôn E, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi đưa trước cho A H số tiền 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng), số tiền còn lại hẹn ngày hôm sau trả. A H cầm tiền vào nhà và chia cho A T số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), còn A H giữ lại số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Đến ngày 12/3/2026, ông Đặng Phi L làm đơn trình báo đến Công an phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi để trình báo về sự việc trên.

* Tại kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐGTS ngày 13/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản - UBND phường Đ, kết luận: 01 (một) máy cắt cỏ nhãn hiệu KAVI - 545 và 01 (một) bình ắc quy nhãn hiệu GS, công suất 45Ah, Voltage A có giá trị tính đến thời điểm bị mất trộm là 4.720.000 đồng (*Bốn triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

** Vật chứng của vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ:*

- B ắc quy, số lượng: 1 Chiếc; Đặc điểm: nhãn hiệu GS, Công suất: 45Ah, Voltage: 12V (tình trạng đã qua sử dụng);

- 01 (Một) xe mô tô kiểu dáng Dream, nhãn hiệu FUJIKI, số máy VTMFU152FMHA005149, không có biển kiểm soát (tình trạng đã qua sử dụng).

Tại bản cáo trạng số 64/CT-VKSQNI-KV7 ngày 07/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Quảng Ngãi đã truy tố các bị cáo A T, A H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo A T từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo A H từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù giam.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Các bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 09/3/2026, A T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán kiếm tiền tiêu xài nên đã rủ A H cùng đi tìm nhà dân sơ hở trong việc quản lý tài sản để trộm cắp thì A H đồng ý. Sau đó, A H điều khiển xe mô tô không có biển kiểm soát kiểu dáng Dream chở theo A T đi đến khu vực lô cao su thuộc thôn G, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Tại đây, A T và A H đã có hành vi lén lút trộm cắp của ông Đặng Phi L 01 (Một) máy cắt cỏ nhãn hiệu Kavi 545 và 01 (Một) bình ắc quy nhãn hiệu GS. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt được định giá là 4.720.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng*).

Hành vi của các bị cáo A T, A H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do đó, cáo trạng số 64/CT-VKSQNI-KV7 ngày 07/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo A T, A H theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện tội phạm, các bị cáo là người đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định nhưng vì động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả xảy ra. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi mình đã gây ra.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo A H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo A T có 01 tiền án, do đó lần này bị cáo bị áp dụng tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo A H, bị cáo A T có nhân thân xấu.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn, cần phải phân hóa vai trò tham gia của hai bị cáo, như sau: Bị cáo A T là người khởi xướng rủ rê và tham gia tích cực nhất, A T trực tiếp đột nhập vào bên trong nhà để trộm cắp tài sản, do đó A T có vai trò chính trong đồng phạm, nên mức hình phạt áp dụng cho A T phải nghiêm khắc hơn bị cáo A H. Đối với A H, khi A T rủ đi trộm cắp tài sản không can ngăn, mà đồng ý ngay và tham gia tích cực trong đồng phạm, A H đã trực tiếp điều khiển xe mô tô chở A T đi tìm nhà để trộm cắp, đứng ngoài bờ rào cảnh giới để A T thực hiện hành vi và cùng A T tiêu thụ tài sản trộm cắp, do đó A H có vai trò thứ hai trong đồng phạm, nên mức hình phạt áp dụng đối với A H thấp hơn hình phạt áp dụng cho A T. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt mức án nghiêm khắc, cách ly hai bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Các bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà bị hại có đơn đơn xét xử vắng mặt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này bị hại Đặng Phi L có yêu cầu thì giải quyết vụ án khác.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với các vật chứng cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, và không ai có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với 01 (Một) xe mô tô kiểu dáng Dream, nhãn hiệu FUJIKI, số máy: VTMFU152FMHA005149; Số khung: RRTVCHECX61002127 không có biển kiểm soát (tình trạng đã qua sử dụng) chủ sở hữu đứng tên trên đăng ký xe mô tô là ông Vũ Văn T3, nhưng ông Vũ Văn H2 khai ông T3 cho ông H2 để sử dụng sau đó ông đã bán và không yêu cầu gì đối với xe trên, tại phiên toà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đồng thời bị cáo A H cho rằng xe của bị cáo mua và sử dụng vào hành vi phạm tội, do đó tịch thu sung quỹ nhà nước, nếu sau này các bên tranh chấp giải quyết vụ án riêng.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố Bị cáo A T, A H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo A T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/3/2026.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo A H 09 (Chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025: Tổng hợp hình phạt 09 (Chín) tháng tù của bản án này và 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 101/2026/HSST ngày 24/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Quảng Ngãi buộc bị cáo A H phải chấp hành hình phạt chung là 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/3/2026.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (Một) xe mô tô kiểu dáng Dream, nhãn hiệu FUJIKI, số máy: VTMFU152FMHA005149; Số khung: RRTVCHECX61002127 không có biển kiểm soát (tình trạng đã qua sử dụng).

(Vật chứng trên có đặc điểm theo Lệnh nhập vật chứng số C776/LNK-VPCQCSĐT ngày 12/5/2026 của Cơ quan sát điều tra Công an tỉnh Q).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Các bị cáo A T, A H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/8/2026). Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam số 2 CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Ấn văn, bộ phận THA;
- UBND nơi đăng ký HKTT của bị cáo;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Thị Bình